CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp

Ngày 30/09/2025	17,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	27.1%	**23.6%**	**12.7%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,112 - 20,485
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	446
Số lượng CPLH (CP)	25,918,130
KLGD BQ 20 phiên (CP)	175
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.05)
EPS	1,932
P/E	8.9

DT thuần
Q3/25
117
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.00| -5.7%
YoY: ▲ 2.00| 1.7%

LN thuần
Q3/25
13.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.10| -31.5%
YoY: ▲ 1.10| 9.0%

LN sau thuế
Q3/25
12.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.20| -29.5%
YoY: ▲ 1.00| 9.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
12.9%
YoY: +/-▼ 4.2%

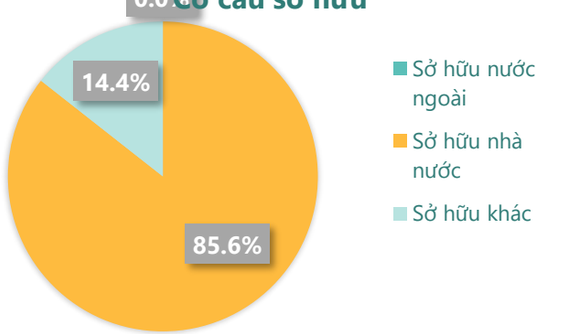
ROE (TTM)
Q3/25
13.8%
YoY: +/-▼ 0.2%

DT thuần
9T 2025
336
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.0| -2.8%

LN thuần
9T 2025
37.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.00| 2.6%

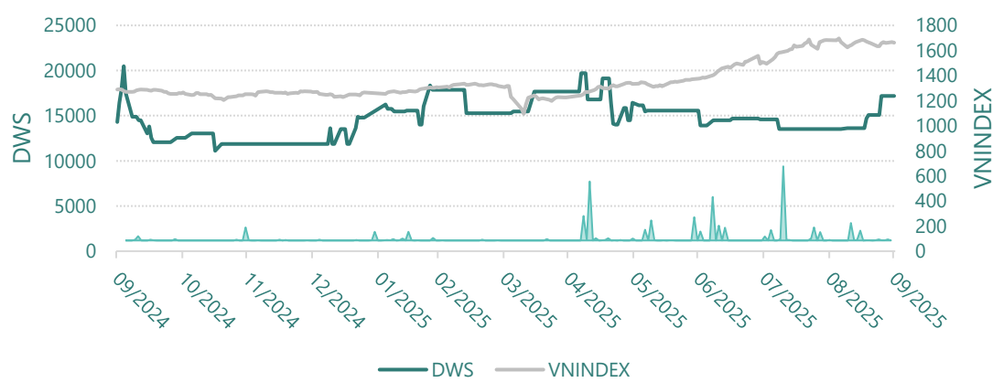
LN sau thuế
9T 2025
34.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.60| 1.9%

Cơ cấu sở hữu

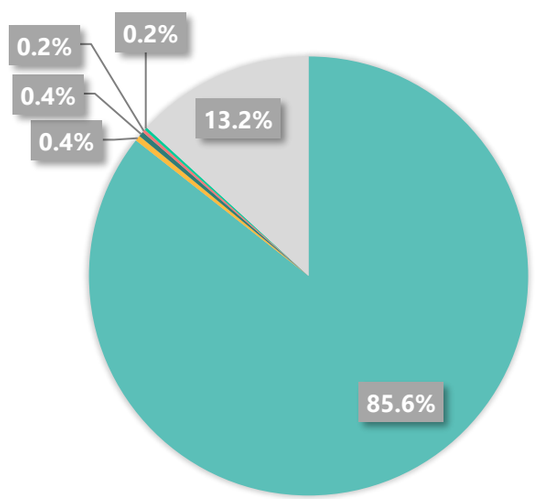


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



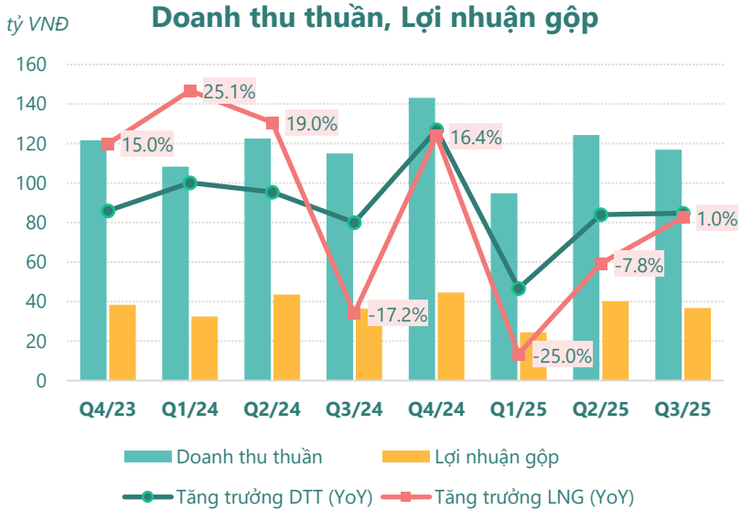
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

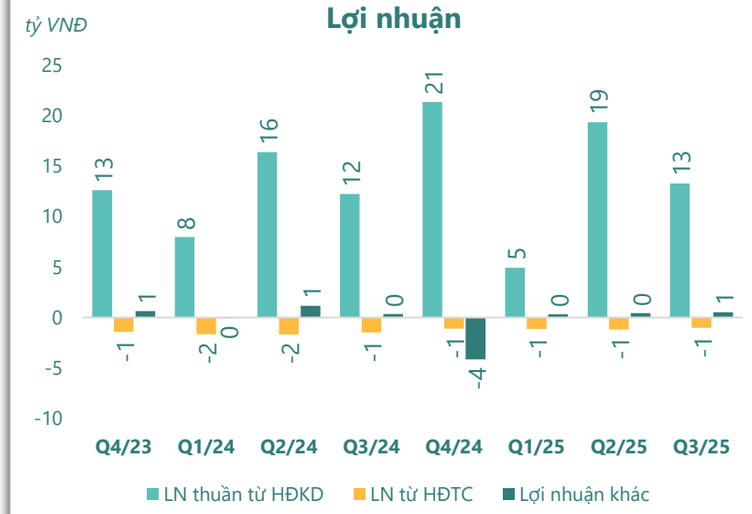
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



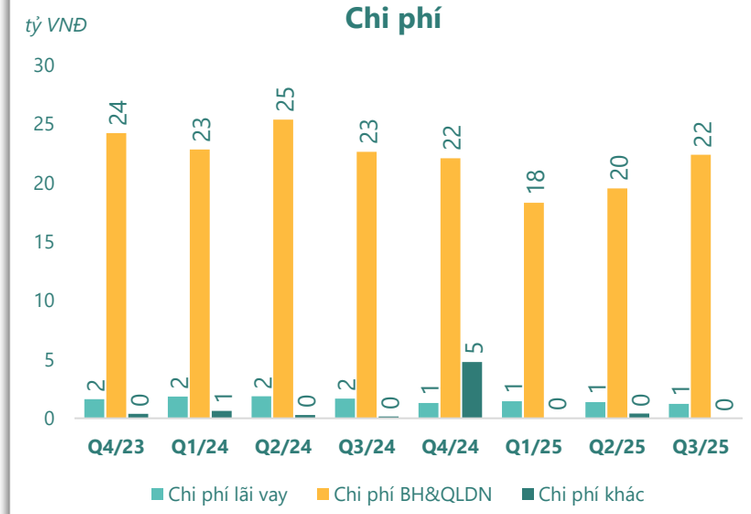
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



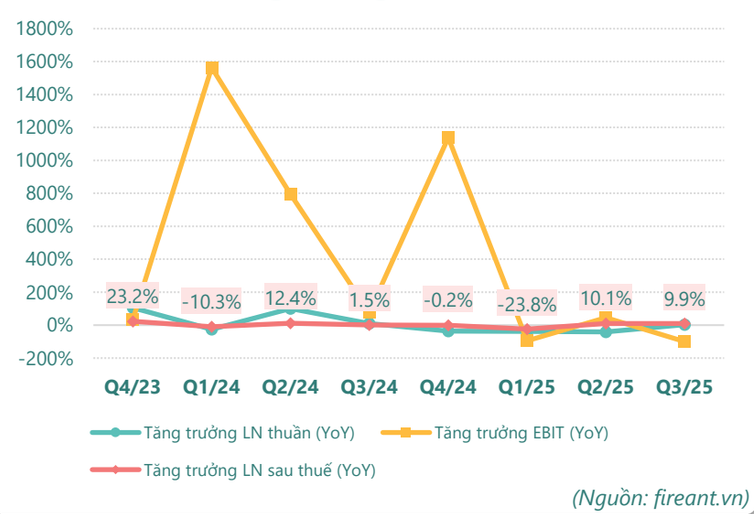
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



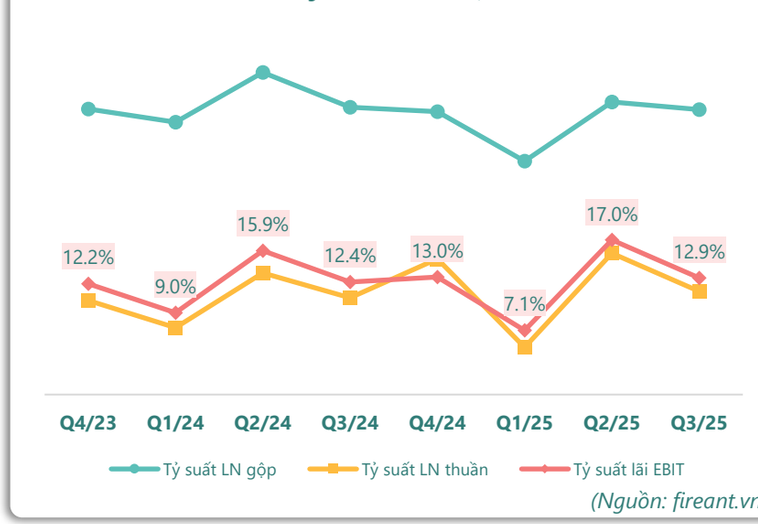
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



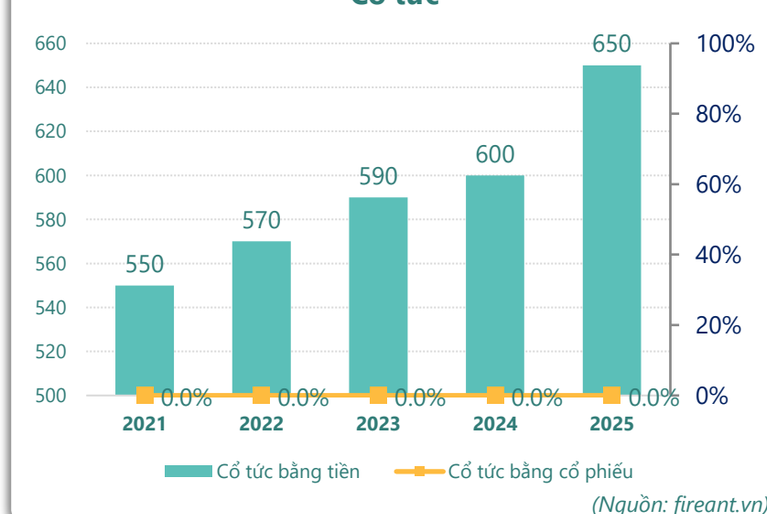
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

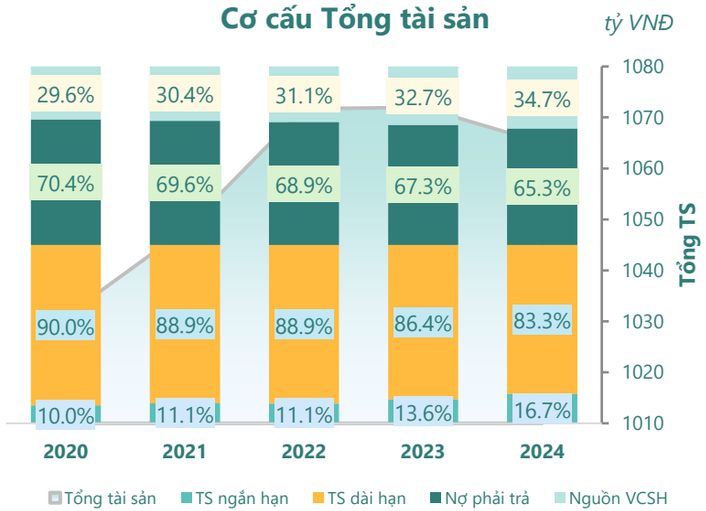
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

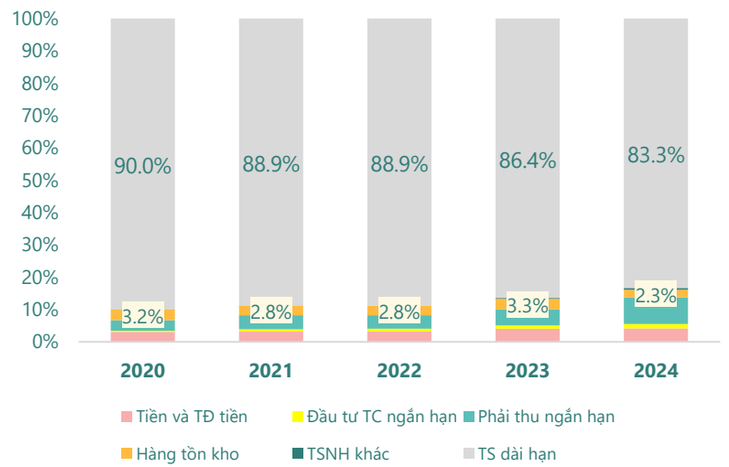
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



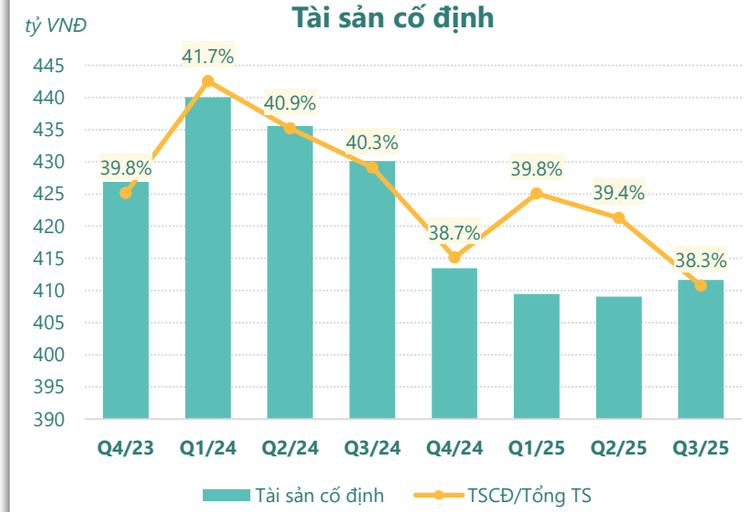
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



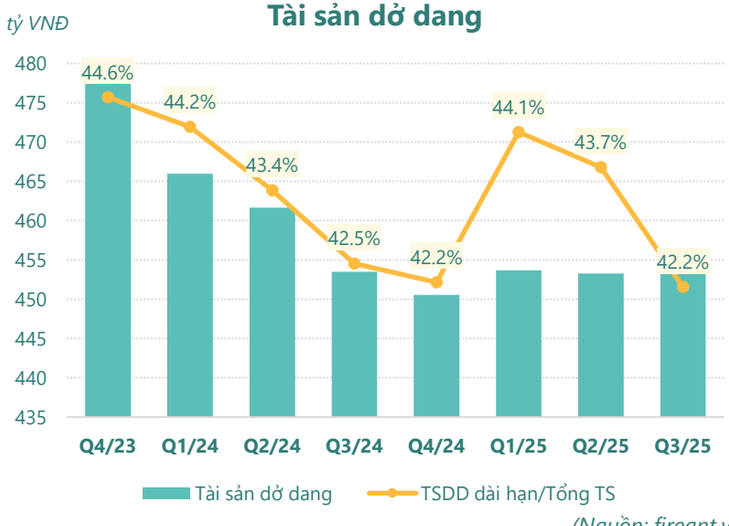
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



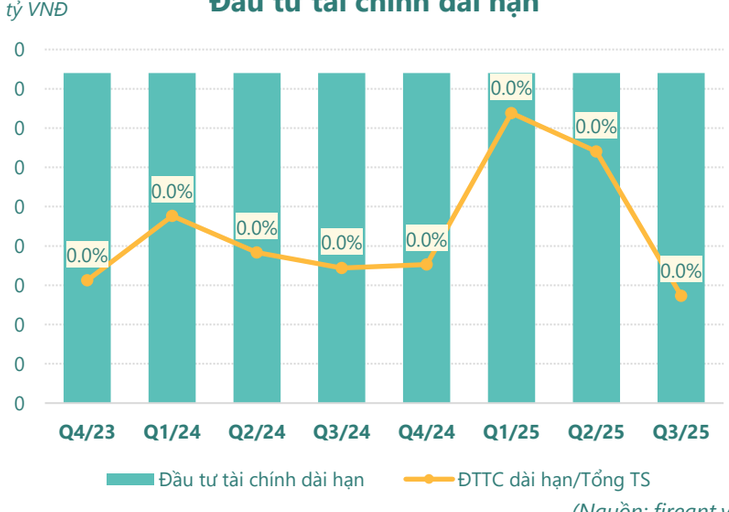
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



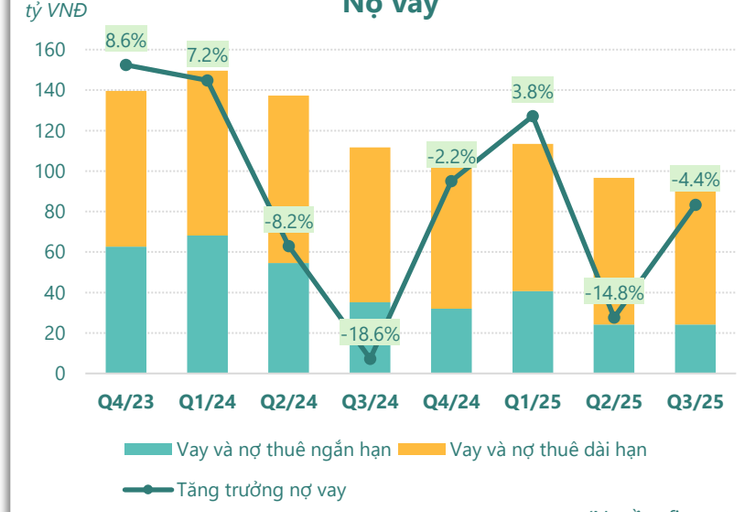
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

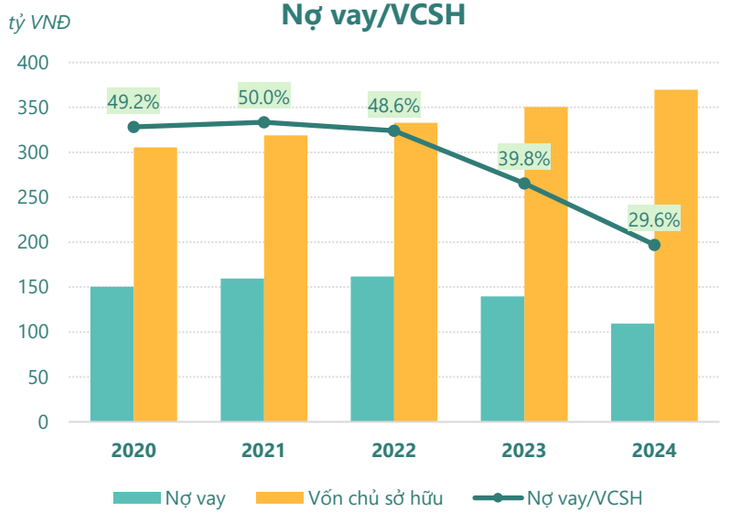
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

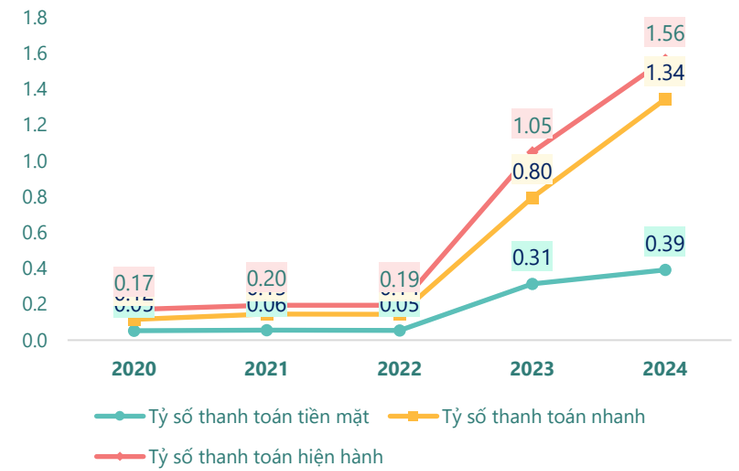
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



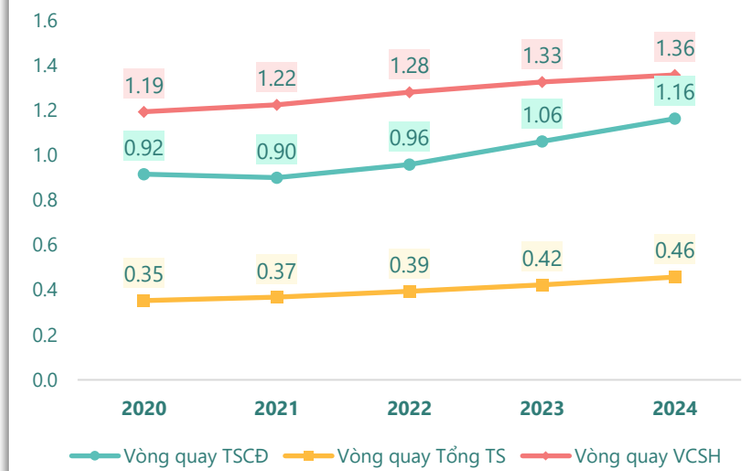
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



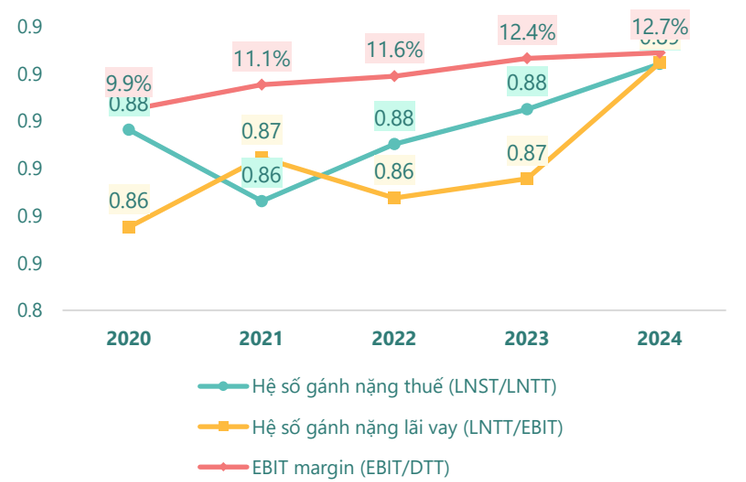
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



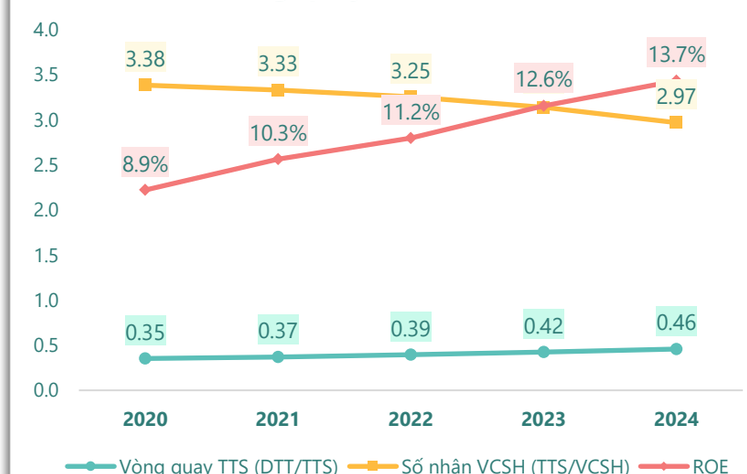
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



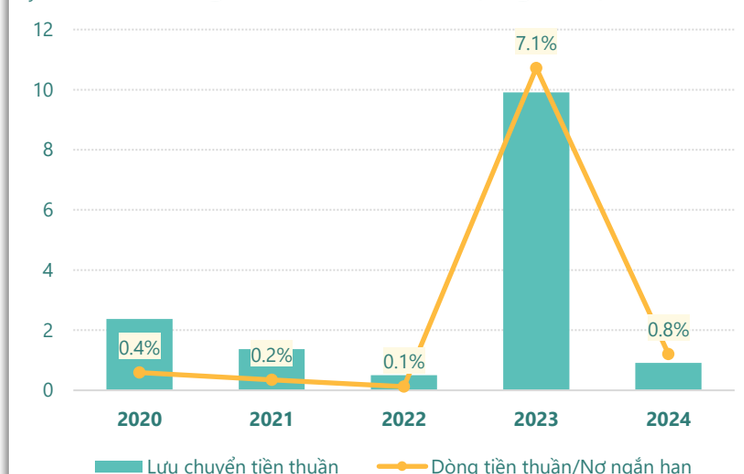
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**117**	**115**	**1.7%**	**336**	**346**	**-2.8%**
Giá vốn hàng bán	80.2	78.6	2.1%	235	233	0.6%
Lợi nhuận gộp	36.8	36.4	1.0%	101	112	-9.9%
Doanh thu HĐTC	0.19	0.18	5.1%	0.70	0.55	28.5%
Chi phí TC	1.22	1.67	-26.9%	4.05	5.38	-24.7%
Chi phí lãi vay	1.22	1.67	-26.9%	4.05	5.38	-24.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	10.7	11.1	-3.8%	32.9	34.0	-3.5%
Chi phí QLDN	**11.7**	**11.5**	**2.1%**	**27.4**	**36.9**	**-25.6%**
LN thuần từ HĐKD	13.3	12.2	9.0%	37.6	36.6	2.6%
Lợi nhuận khác	**0.53**	**0.36**	**47.0%**	**1.29**	**1.45**	**-11.1%**
LN trước thuế	13.8	12.6	9.7%	38.9	38.1	2.1%
Lợi nhuận sau thuế	**12.3**	**11.3**	**9.2%**	**34.5**	**33.9**	**1.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**12.3**	**11.3**	**9.2%**	**34.5**	**33.9**	**1.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	46.6	48.2	-10.6	0.19	52.1	26.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.40	-0.33	-0.94	0.07	-0.44	-1.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-31.7	-27.7	-12.8	-7.96	-19.3	-8.34
Tiền đầu kỳ	34.2	48.7	68.8	44.4	36.7	69.1
Lưu chuyển tiền thuần	**14.4**	**20.2**	**-24.4**	**-7.70**	**32.3**	**17.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	48.7	68.8	44.5	36.7	69.1	86.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,076**	**1,065**	**1.0%**
Tài sản ngắn hạn	185	177	4.3%
Tiền và tương đương tiền	86.2	44.4	93.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.0	14.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	48.5	87.8	-44.7%
Hàng tồn kho	36.1	24.9	44.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.21	6.23	-96.6%
Tài sản dài hạn	**891**	**888**	**0.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	412	414	-0.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	453	450	0.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.08	0.08	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**25.5**	**23.5**	**8.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	706	695	1.5%
Nợ ngắn hạn	**136**	**113**	**19.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.1	32.0	-24.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	20.2	13.8	45.7%
Nợ dài hạn	571	582	-2.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	68.3	77.3	-11.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**370**	**370**	**0.0%**
Vốn chủ sở hữu	**370**	**370**	**0.0%**
Vốn điều lệ	259	259	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)